

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004-8 - Hóa học đại cương

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Xuân	Thiêm	3471010310	25/10/1992	,00	,00	,00	CT
2	Nguyễn Trần Nhật	Linh	3474010032	20/11/1990	,00	,00	,00	CT
3	Nguyễn Duy	Bảo	3475010014	26/05/1992	5,00	8,00	7,10	
4	Phạm Phú	Cường	3475010037	27/05/1992	5,00	2,00	2,90	
5	Phạm Đức	Duy	3475010047	07/06/1992	6,00	7,30	6,90	
6	Đặng Văn	Hùng	3475010096	19/05/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
7	Đỗ Hùng	Mạnh	3571010283	27/05/1992	,00	,00	,00	CT
8	Trương Lưu	Quang	3571010736	27/08/1993	5,00	6,30	5,90	
9	Nguyễn Ngọc	Quân	3571010785	14/04/1993	2,00			
10	Hồ Lê Minh	Tín	3571011607	24/07/1993	1,00	6,50	4,90	
11	Phạm Minh	Tân	3571011759	05/10/1992	,00	,00	,00	CT
12	Nguyễn Minh	Tiến	3574010485	01/01/1993	2,00	6,30	5,00	
13	Lượng Công Minh	Văn	3574010564	09/04/1993	2,00	6,00	4,80	
14	Nguyễn Quốc	Thiện	3574011086	22/08/1993	,00	,00	,00	CT
15	Võ	Hùng	3574011390	01/10/1993	7,50	3,80	4,90	
16	Hà Bảo	Tú	3575010005	27/02/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
17	Võ	Trái	3575010413	14/02/1993	1,50	6,80	5,20	
18	Trần Anh	Tuấn	3575010483	12/11/1993	5,00			
19	Nguyễn Đình	Khoa	3575010570	04/07/1993	8,00	5,50	6,30	
20	Nguyễn Thành	Long	3575010970	03/06/1993	5,00	3,80	4,20	
21	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994	9,00	7,00	7,60	
22	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	6,50	3,30	4,30	
23	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993	1,00			
24	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	,00	,00	,00	CT
25	Hồ Văn	Đức	3671030544	05/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
26	Lê Quang	Trung	3671030650	12/03/1994	6,00	6,00	6,00	
27	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	7,00	4,00	4,90	
28	Nguyễn Thế	Vĩnh	3671030730	04/03/1994	7,00	7,00	7,00	
29	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993	5,00			
30	Thọ Quang	Rim	3671030758	15/10/1993	5,00	4,50	4,70	
31	Huỳnh Thanh	Chúc	3671030761	10/01/1994	1,00	6,50	4,90	
32	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991	6,00	6,80	6,60	
33	Bùi Thanh	Sang	3671030807	14/03/1994	6,00	7,00	6,70	
34	Âu Dương	Tuấn	3671030821	12/08/1994	8,50	6,00	6,80	
35	Hồ Đoàn Quốc	Huy	3671030866	26/04/1994	5,00	5,80	5,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994	6,00	5,50	5,70	
37	Lê Anh	Dũng	3671030899	09/09/1994	7,50	4,80	5,60	
38	Hồ Như	Ý	3671030947	12/10/1993	2,00	,80	1,20	
39	Trần Văn	Tử	3671030986	04/10/1992	7,00	4,50	5,30	
40	Nguyễn Văn	Cường	3671031117	20/09/1994	6,00	6,30	6,20	
41	Nguyễn Văn	Ninh	3671031129	05/06/1994	9,00	5,80	6,80	
42	Lê Hoàng	Phúc	3671031130	04/09/1994	6,00	5,30	5,50	
43	Phạm Minh	Tri	3671031248	06/11/1994	5,00	4,30	4,50	
44	Lê Phát	Sang	3671031278	13/12/1994	6,00	4,50	5,00	
45	Lê Hồng	Vũ	3671031499	26/01/1994	6,00	7,30	6,90	
46	Lê Văn	Độ	3671031523	20/11/1994	5,00	4,00	4,30	
47	Nguyễn Công	Hiếu	3671031550	12/09/1994	2,00	4,00	3,40	
48	Trần Minh	Cường	3671031576	26/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
49	Nguyễn Thành	Long	3671031577	11/08/1992	5,00	3,80	4,20	
50	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994	5,00	6,00	5,70	
51	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	7,00			
52	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	10,00	8,30	8,80	
53	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994	9,00	6,50	7,30	
54	Phạm Công	Hung	3671040332	16/10/1993	2,00	6,50	5,20	
55	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	2,00	6,00	4,80	
56	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
57	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994	5,00	7,50	6,80	
58	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994	5,00	8,30	7,30	
59	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994	3,00	7,00	5,80	
60	Huỳnh	Rin	3671040767	17/03/1993	6,00	3,00	3,90	
61	Nguyễn Đức	Phương	3671040770	28/02/1993	7,00	9,50	8,80	
62	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
63	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993	6,00	5,80	5,90	
64	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994	3,00			
65	Nguyễn Trọng	Toàn	3671041106	17/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
66	Trần Anh	Dũng	3671041133	03/10/1994	8,00	8,80	8,60	
67	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994	6,00	5,80	5,90	
68	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993	5,00	5,50	5,40	
69	Đàm Văn	Son	3671041642	01/02/1994	7,50	7,50	7,50	
70	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
71	Tô Thanh	Tuấn	3671041662	20/07/1993	5,00	5,80	5,60	
72	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994	2,00	,00	,60	
73	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993	6,00	4,30	4,80	
74	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994	,00	,00	,00	CT
75	Hồ Văn	Thị	3671050036	29/01/1993	5,00	2,80	3,50	

Học phần : 0671004-8 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Văn	Lực	3671051297	08/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
77	Trần Huỳnh Quang	Phúc	3671051995	01/03/1993	5,00	5,30	5,20	
78	Bùi Xuân	Đạt	3672050159	09/04/1994	6,00	7,00	6,70	
79	Phạm Duy	Huy	3672050448	25/08/1994	5,00			
80	Phùng Vương	Nghĩa	3672050494	08/09/1994	5,00	3,00	3,60	
81	Nguyễn Văn	Thịnh	3672050555	14/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
82	Phan Thanh	Long	3672050800	25/05/1994	2,00	6,50	5,20	
83	Hạ Quang	Đức	3672050926	24/10/1993	5,00	6,30	5,90	
84	Phạm Quốc	Pháp	3672051056	30/03/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
85	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
86	Phạm Hữu	Tính	3672051827	22/07/1993	9,50	7,00	7,80	
87	Võ Như Trọng	Huân	3672051887	25/02/1994	5,00	6,80	6,30	
88	Trần	Phương	3672052038	09/04/1993	,00	,00	,00	CT

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)